

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP Năm báo cáo/Year: 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 0100103175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 6 năm 2008, thay đổi lần 2 vào ngày 21 tháng 4 năm 2011, thay đổi lần 3 vào ngày 05 tháng 7 năm 2012 và thay đổi lần 4 vào ngày 18 tháng 7 năm 2013;
- Vốn điều lệ/ Charter capital: Vốn điều lệ: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Địa chỉ/Address: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại/Telephone: (024) 38525339/38522331;
- Số fax/Fax: (024) 35631169;
- Website: www.hec.com.vn;



- Logo: **HEC**

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): HEJ

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process:

- 06/04/1955: Phòng thiết kế đo đạc, tiền thân của HEC, thuộc Nha thủy lợi, Bộ Giao thông công chính (Thành lập theo Nghị định số 507-TTg của Hội đồng Chính phủ);
- 09/06/1956: Cục Thiết kế thủy lợi, sau đó gọi là Cục Khảo sát thiết kế thủy lợi (Thành lập theo Nghị định số 922TTg do Phó Thủ tướng Phan Kế Toại ký);
- 12/08/1961: Viện Thiết kế thủy lợi - Thủy điện (chuyển từ Cục Khảo sát thiết kế thành Viện theo Quyết định số 632 do Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực Trần Quý Kiên ký);

- 20/07/1976: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi (nhập Đoàn Khảo sát thủy lợi và các đoàn khảo sát thiết kế thủy lợi Trung Trung bộ và Nam bộ vào Viện Thiết kế thủy lợi-Thủy điện theo QĐ số 1015 QĐ/TL của Bộ Thủy lợi);
- 30/10/1989: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi Quốc gia (Quyết định số 460QĐ/TC của Bộ Thủy lợi);
- 20/02/1993: Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi I (Quyết định số 66QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Thủy lợi);
- 06/09/1995: Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi I (Quyết định số 79QĐ/TCCB của Bộ Thủy lợi về việc đổi tên Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi I thành Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I);
- 19/06/2007: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 1769/QĐ-BNN-ĐMDN về việc chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con);
- 15/10/2007: Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa công ty mẹ: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam);
- 26/04/2008: Đại hội đồng cổ đông thành lập đã được tổ chức thành công và thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP;
- 09/06/2008: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP (Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:*

- + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Mã ngành 7210.
 - o Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
 - o Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan: Mã ngành 7110.
 - o Chi tiết: Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng; Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm định dự toán công trình; Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực

chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;

- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Thiết kế bao gồm: - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; - Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng;
- + Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 7490.
 - Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
 - Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- + Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8559.
 - Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Mã ngành 5510.
 - Kinh doanh khách sạn;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành 6810.
 - Chi tiết: Cho thuê bất động sản, văn phòng;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8299.
 - Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- + In ấn: Mã ngành 1811.
 - In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*:

- + Các tỉnh thành trong cả nước.
- + Các tỉnh thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*:

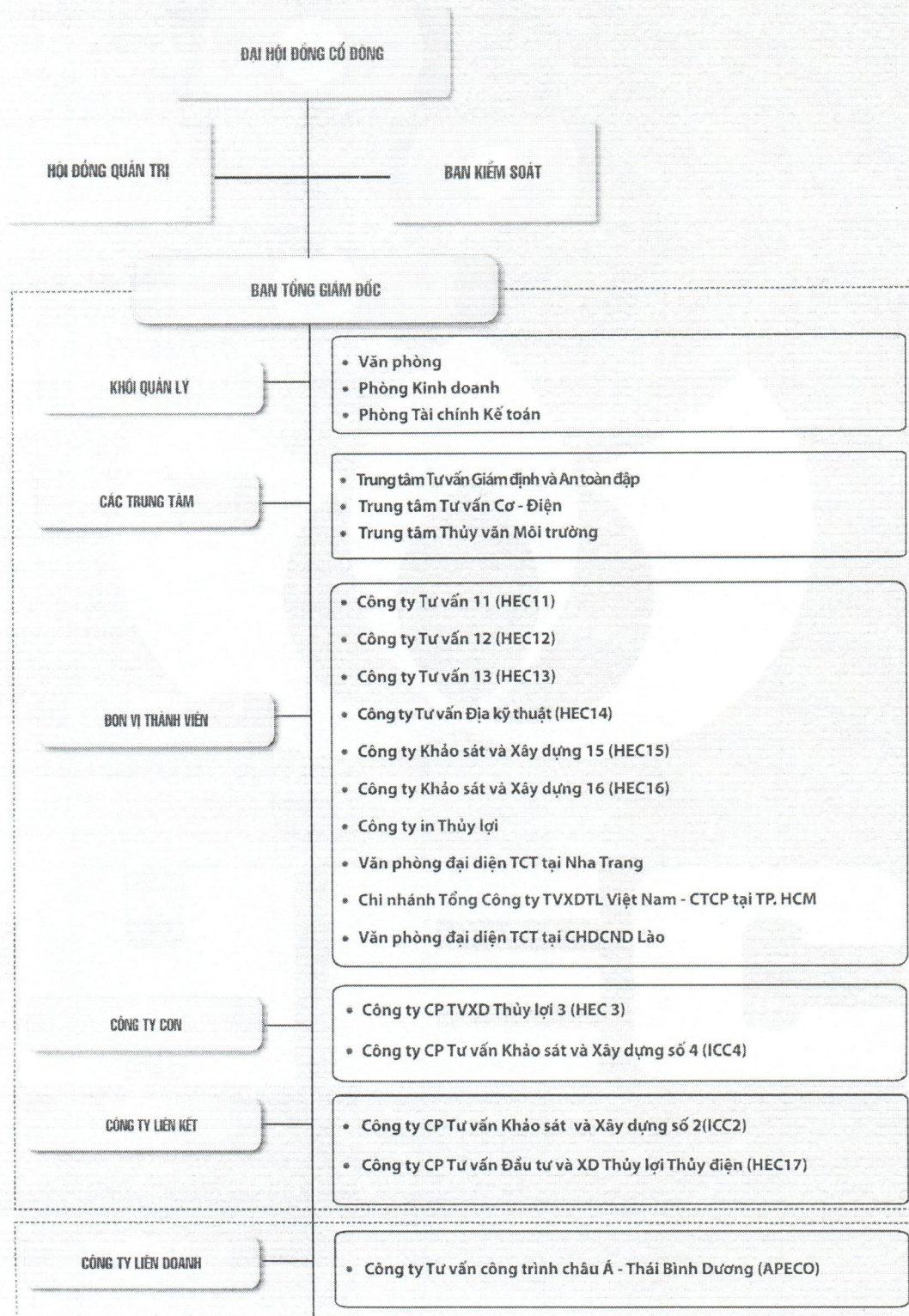
- Mô hình quản trị/*Governance model*:

- + Mô hình quản trị của HEC bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc và thủ trưởng (Giám đốc, trưởng phòng) các đơn vị. Cơ cấu của HEC được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo công việc (dự án) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc điều hành qua phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của đơn vị thông qua Phó TGD phụ trách và thủ trưởng các đơn vị.
- + HEC tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.

Cơ cấu bộ máy quản lý của HEC được thể hiện như sơ đồ dưới đây.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

(1) Công ty con:

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VND)	HEC	
			Mức vốn góp (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 4 (ICC4): - Địa chỉ: 44 Võ Thị Sáu – Thành phố Quảng Ngãi. - Điện thoại: 055-3828449 - Email: icc4@hec.com.vn . - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình	4.950.000.000	2.507.000.000	50,65
2	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi 3 (HEC3): - Địa chỉ: 30 Trịnh Phong-Nha Trang- Khánh Hoà - Điện thoại: 058-3510228 - Fax: 058-3510228 - Email: hec3@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát , thiết kế xây dựng các công trình	2.500.000.000	1.679.000.000	58,80
Tổng Cộng:			4.186.000.000	

(2) Công ty liên kết, liên doanh:

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ (VND)	HEC	
			Mức vốn góp (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 2 (ICC2): - Địa chỉ: 50/3 Phường Trung Sơn- Thị xã Tam Điệp. - Điện thoại: 030-3864006 Fax: 030-3864306 - Email: icc2@hec.com.vn	3.000.000.000	1.050.000.000	30,00

	- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình			
2	Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư thủy lợi thủy điện (HEC17): - Trụ sở (địa chỉ): Tầng 3, 95/2 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội - Điện thoại: 024.62761103 - Fax: 024.62761125 Email: hec17@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế xây dựng các công trình	2.500.000.000	1.000.000.000	76,92
3	Liên doanh APECO: - Địa chỉ: P301 - D10 - Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (84 24) 37723805 - Fax: (84 24) 37723806 - Email: apeco@fpt.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình	6.800.000.000	1.367.999.306	20,10
	Tổng cộng:		3.417.999.306	

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company:*

- + Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam, nhà thầu tư vấn với đủ năng lực đấu thầu quốc tế.
- + Tiến tới đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh để tăng thêm nguồn thu.
- + Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động đang làm việc tại HEC cũng như thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

- + Tham gia thực hiện các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và ODA giao cho các địa phương quản lý. Tiếp tục mở rộng thị trường vùng Đồng bằng Nam Bộ, các công trình phục vụ tiêu, chống ngập cho các thành phố lớn đặc biệt là

thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư các phần mềm tính toán, đào tạo cán bộ để tiếp cận được các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, các dự án thuộc nguồn vốn phòng chống thiên tai.

+ Kiện toàn lại mô hình tổ chức của HEC với xu hướng tinh gọn nhẹ, nhân sự có trình độ. Công tác tuyển dụng lao động được cải tiến sao cho tuyển được người lao động có khả năng và có tâm huyết ở với HEC. Xây dựng quy chế đào tạo để đảm bảo nâng cao năng lực cán bộ đồng thời giữ được cán bộ phục vụ Tổng công ty.

+ Từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, độc lập và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn. Chiến lược này cũng chính là mục tiêu và chính sách chất lượng của HEC thể hiện trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

+ Ngoài lĩnh vực hoạt động chính là tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm tư vấn dự án, HEC sẽ nghiên cứu để phát triển thêm dịch vụ và đầu tư nhằm mục đích nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Xây dựng đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp.

+ Xây dựng chính sách trả lương thỏa đáng để tạo động lực gắn kết người lao động với Tổng công ty.

+ Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam.

5. Các rủi ro/ *Risks*:

- Rủi ro về thị trường: Là những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HEC đến từ thị trường. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước mà đa phần công việc là phục vụ dân sinh kinh tế do Nhà nước làm chủ đầu tư. Nên khi có thay đổi chính sách dẫn đến thị trường bị thu hẹp (Ví dụ như nghị quyết 11 về cắt giảm đầu tư công của Chính phủ) sẽ chịu nhiều rủi ro do tạm dừng triển khai các dự án/công trình.

- Rủi ro về thanh toán: Đa phần các công trình mà HEC tham gia thực hiện là có vốn đầu tư từ ngân sách nên việc thanh quyết toán hết sức chậm. Có dự án phải đến trên 10 năm mới hoàn thành việc thanh quyết toán. Một số các công trình mà chủ đầu tư là các công ty cổ phần thì việc thu hồi nợ rất khó khăn. Việc thanh toán không đúng tiến độ trong hợp đồng ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và kế hoạch đầu tư của HEC.

- Rủi ro về lãi suất: Rủi ro về việc thay đổi lãi suất của các Ngân hàng.

- Rủi ro về thuế: Tăng thuế đất gấp nhiều lần so với năm trước (VD năm 2010) và xu hướng còn tiếp tục tăng.

- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện tại, với việc dễ dàng trong thành lập các công ty tư vấn nên

hầu hết các tỉnh thành, huyện đều có các công ty tư vấn với mô hình gọn nhẹ, quan hệ mật thiết với địa phương nên việc cạnh tranh rất khốc liệt. Tiêu chí lựa chọn nhà thầu tư vấn hiện nay chưa thiên về năng lực mà bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khác. Việc quản lý nhà nước về đấu thầu chưa thực sự đảm bảo công bằng, minh bạch do vậy vẫn còn tiếp diễn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu .

- Rủi ro về chính sách pháp luật: Thay đổi chính sách về lương tối thiểu của Nhà nước liên tục dẫn tới chi phí bảo hiểm xã hội tăng nhanh trong khi giá thiết kế không thay đổi, bất cập trong các chính sách về thuế đối với đặc thù ngành nghề tư vấn thủy lợi. Đặc biệt là thay đổi nhiều nhất về chính sách bảo hiểm xã hội từ năm 2018 trở đi làm cho chi phí bảo hiểm xã hội tăng đột biến.
- Rủi ro về nhân sự: Trong lĩnh vực tư vấn, chất xám là tài sản cốt lõi quyết định đến sự thành hay bại của bất cứ doanh nghiệp tư vấn nào. Hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng có nhiều công ty tư vấn (trong và ngoài nước) hoạt động trên khắp các địa bàn trong cả nước với chính sách lương hấp dẫn, chế độ đãi ngộ tốt (mặc dù là không bền vững), ... thì việc di chuyển các cán bộ là chủ nhiệm dự án, cán bộ quản lý,.. là một rủi ro lớn của của HEC. Việc tuyển dụng nhân sự đáp ứng được công việc rất khó khăn (sinh viên mới ra trường thường phải mất từ 2 đến 5 năm đào tạo thì mới có thể đáp ứng được công việc ở mức bình thường của người kỹ sư thiết kế).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations:*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

+ Tổng doanh thu	: 204,961 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận trước thuế	: 14,080 tỷ đồng;
+ Lợi nhuận sau thuế	: 11,040 tỷ đồng;
+ Thu nhập bình quân tháng/NLĐ	: 7,7 triệu đồng.

Nguồn thu nhập không có nhiều thay đổi so với những năm trước, doanh thu chính vẫn là từ khảo sát thiết kế các công trình.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

Các mục tiêu được đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tuy chưa hoàn thành về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận nhưng vẫn có thể đảm bảo mức chi trả cổ tức. Cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thực hiện năm 2017	Kết quả thực hiện năm 2018	Kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2018	Tỷ lệ so sánh với kế hoạch ĐHĐCĐ (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	105,842	204,961	110	185,5
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,422	11,040	6,7	164,8
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/năm/CP	7,5	18	7 ÷ 8	240
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng/người	7	7,7	7	110

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

Danh sách ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Mã CĐ	Số lượng cổ phần		Tỷ lệ (%)
				Cá nhân	Nhà nước	
1	Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng giám đốc		92.000	-	2,09%
				-	646.800	14,70%
2	Võ Văn Lung	Phó Tổng giám đốc		13.824	-	0,31%
				-	862.400	19,60%
3	Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng giám đốc (Đến 08/7/2018)		26.835	-	0,61%
				-	646.800	14,70%
4	Võ Như Hùng	Phó Tổng giám đốc (Đến 30/9/2018)		1.200	-	0,03%
5	Phan Kim Yên	Kế toán trưởng		37.400	-	0,85%
Tổng cộng:						52,89%

Danh sách các cán bộ quản lý khác

HEC-VP ngày 30/8/2018 V/v sửa đổi, bổ sung Quy định Lương của TCT tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP (Lần thứ nhất); Quyết định 836/QĐ-HEC-VP ngày 07/12/2018 V/v trả lương cho người lao động trong TCT.

*Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, HEC luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Ngoài ra, HEC đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người lao động trong việc học cao học, thi nâng bậc đối với công nhân nhằm tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, HEC tiếp tục tổ chức các lớp học chủ nhiệm chuyên ngành, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài.

*Về chính sách khen thưởng, kỷ luật: Để khuyến khích người lao động, HEC có chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó tháng 12/2013, HEC cũng đã ban hành Quy định về xử lý kỷ luật lao động làm căn cứ để xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của HEC.

*Công tác đời sống đối với người lao động HEC: luôn quan tâm, cố gắng đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập.

*Trợ cấp khó khăn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. HEC xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

*Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động: HEC luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

*Tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm một lần cho toàn thể người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 01 năm trở lên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Chưa đầu tư dự án nào

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:

Số vốn đầu tư góp vốn vào 5 công ty là: 7,603 tỷ đồng. Kết quả đầu tư trong 07 năm gần nhất như sau (Tỷ lệ lãi suất đầu tư %):

STT	Đơn vị	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	APECO	39	27	12	28	34	31		chưa ĐHCĐ
2	HEC3	12	9	0	8	10	12	25	
3	ICC4	18	15	12	12	10	8	8	
4	ICC2	14	12	16	12	10	10	10	
5	HEC17	8	0	0	0	0	8		chưa ĐHCĐ

Vốn kinh doanh tại các công ty trên ổn định và có tăng trưởng.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2017 (đ)	Năm/Year 2018 (đ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	184.075.167.832	210.529.015.465	114,4%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	105.842.884.579	200.884.870.661	189,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	5.443.274.486	11.577.591.510	212,7%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	2.644.151.056	2.502.749.977	94,6%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	8.087.425.542	14.080.341.487	174,1%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	6.422.296.497	11.040.420.092	171,9%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i>	1,37	1,37	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)			
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i>	1,16 lần	1,22 lần	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>			

2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	65,02%	63,24%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	178,15%	207,66%	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>	3,29 lần	8,48 lần	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0,57 lần	0,95 lần	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	6,07%	5,49 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	10,17%	16,13%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	3,49%	5,24%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	5,14%	5,76%	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares:*

- Tổng số cổ phần: 4.400.000 CP
- Loại CP: phổ thông

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*:

- Cổ đông nhà nước: 2.156.000 CP; do 03 cá nhân đại diện

- Cổ đông tổ chức: 22.000 CP

Bao gồm 02 Công ty và tổ chức công đoàn HEC

- Cổ đông lớn:

+ Số CP $\geq 1\%$ và $\leq 5\%$: 04

+ Số CP $\leq 10\%$: 01

+ Số CP $\geq 10\%$: không có

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/4/2018)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*:

Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*:

Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

Hoạt động của Tổng công ty phân chia thành 2 lĩnh vực chính:

- Công việc thiết kế: làm việc tại văn phòng là chính, không có tác động xấu tới môi trường xã hội.

- Công việc khảo sát thực địa: có sử dụng xăng, dầu Diesel cho các máy bơm, máy khoan nhưng số lượng không đáng kể do vậy ảnh hưởng tới môi trường không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*.

Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Điện năng tiêu thụ 1 năm khoảng: 800.000 kwh

- Xăng, dầu tiêu thụ 1 năm khoảng: 85.000 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước: hệ thống cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà Nội và các thành phố có trụ sở các chi nhánh.

Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt thông thường khoảng 6.000 m³/năm. Không sử dụng nước trong sản xuất khác.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 350 người.

- Lương bình quân: 7,7 triệu đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Chính sách sử dụng lao động tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và theo thỏa ước lao động tập thể.

Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

Xây dựng và thực hiện các quy chế nội bộ, nội quy lao động và quy chế dân chủ cơ sở để người lao động thực hiện một cách rõ ràng, công khai.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện quy chế đào tạo. Khuyến khích người lao động tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và có chế độ khi đi học thỏa đáng. Ưu tiên hình thức tự đào tạo trong công việc thực hiện là chính. Đào tạo tập trung thành lớp theo từng chuyên đề khi có nhu cầu.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Các lớp đào tạo chủ nhiệm thiết kế; đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán; đào tạo tay nghề cho công nhân kỹ thuật, tổ chức thi nâng bậc công nhân.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Đóng góp về vật chất cho cộng đồng dân cư địa phương (nơi có trụ sở)

- Tại các công trình nơi thực hiện khảo sát thiết kế: xây dựng nhà tình nghĩa (tùy thuộc từng công trình và nhu cầu của địa phương).

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Tổng quan về hoạt động của Tổng công ty:

Kế hoạch sản xuất dự kiến không có nhiều thay đổi, đã phân tích trước được chủ trương đầu tư của Nhà nước đối với ngành thủy lợi nên đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp nên sản lượng thực hiện không có nhiều thay đổi.

Về doanh thu: Doanh thu tăng đột biến do cuối năm 2018 Nhà nước có thay đổi chính sách giải ngân vốn đầu tư công nên nhiều công trình được giải ngân sớm hơn so với dự kiến .

So với năm 2017, tất các chỉ tiêu như sau:

- + Doanh thu 193,66%
- + Lợi nhuận: 171,91%
- + Thu nhập người lao động: 110%

Đánh giá chung trong năm 2018 ban lãnh đạo HEC đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Doanh nghiệp hoạt động đã đảm bảo được các yếu tố sau:

- + Bảo toàn được vốn của Chủ sở hữu.
- + Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.
- + Đảm bảo các quyền lợi, lợi ích của người lao động.
- + Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.
- Những tiên bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.
- + Tiếp cận các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng công trình thủy lợi, đã áp dụng thành công ở một số công trình.
- + Hoàn thiện cơ chế quản lý kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiên độ
- + Công nhận nhiều sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, xây dựng các phần mềm nhỏ tiện ích trong hoạt động khảo sát thiết kế và đã ứng dụng trực tiếp vào sản xuất thành công.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Tình hình tài sản không có nhiều biến động so với các năm trước. Đầu tư tài chính dài hạn không thay đổi, các khoản đầu tư này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và đều tăng dần hàng năm.

Nhìn chung việc sử dụng tài sản của Tổng công ty là hiệu quả. Nợ phải thu xấu ảnh hưởng đến đến kết quả sản xuất kinh doanh không đáng kể. Đa phần các khoản nợ quá hạn đều từ các Ban quản lý dự án của Nhà nước do chưa phân bổ được ngân sách hoặc nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2016-2020; hoặc các khoản giữ lại bảo hành công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

Tổng tài sản: 210.529.015.465 đ

- Tài sản ngắn hạn: 182.219.708.129 đ

- Tài sản dài hạn: 28.309.307.336 đ

Khoản nợ phải thu: 11 tỷ đồng, chiếm 5,2 % tổng tài sản.

Phần lớn các khoản nợ phải thu từ các Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án của Bộ NN&PTNT và các Tỉnh, nguồn vốn các dự án Nhà nước đầu tư.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả :không có biến động lớn về các khoản nợ

Nợ phải trả:	142.100.539.202 đ
+ Nợ ngắn hạn:	133.143.138.359 đ
+ Nợ dài hạn:	8.957.400.843 đ

Bao gồm các khoản mục chính :

- Các chủ đầu tư tạm ứng theo hợp đồng: 20,639 tỷ đồng;
- Chi phí lao động phải trả: 25,316 tỷ đồng;
- Tiền chưa thanh toán cho B phụ: 11,389 tỷ đồng;
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 16,693 tỷ đồng;

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh của HEC là sản xuất theo đơn đặt hàng, chủ đầu tư chủ yếu là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các Tỉnh nên trong tình hình Nhà nước điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công giữa các dự án, HEC gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu từ các Chủ đầu tư dẫn đến vẫn còn tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, không có các khoản nợ xấu. Các khoản vay đều có khả năng trả nợ. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả sản xuất kinh doanh không có do các khoản vay là tiền đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tin học hóa việc điều hành sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nhân lực và kiểm soát tốt hơn toàn bộ hoạt động sản xuất của HEC. Giảm thiểu các cuộc họp giao ban có tính chất định kỳ, hình thức. Đến nay toàn bộ văn bản, công văn đến – đi đều thực hiện qua hệ thống thư điện tử @hec.com.vn, việc chỉ đạo sản xuất, nắm bắt tình hình công việc đều qua hệ thống này.
- Liên tục cập nhật và duy trì áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008, đã hoàn thiện và tái cấp chứng chỉ theo ISO 9001: 2015.

Các biện pháp kiểm soát:

- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách, chủ nhiệm thiết kế và các phòng chức năng liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp các dự án và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến các dự án đó.
- + Các phòng chức năng (Kinh doanh, Văn phòng, Tài chính kế toán) giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, an toàn và vệ sinh lao động...).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Định hướng phát triển của HEC về lâu dài là mở rộng nhiều ngành nghề khác để đa dạng hóa nguồn thu. Tuy nhiên, để thực hiện được chính sách này đòi hỏi cần có thời gian chuẩn bị cả về nguồn vốn lẫn nhân lực, do vậy trong năm 2019 trước mắt nguồn thu chủ yếu xác định vẫn là từ ngành nghề chính khảo sát thiết kế công trình.

Để duy trì công tác sản xuất, Tổng công ty cần tiếp tục giữ vững vị trí tại các thị trường truyền thống như khu vực Bắc, Trung bộ, củng cố và từng bước mở rộng hoạt động tại thị trường Lào và đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời phải cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý nhằm hợp lý hóa các bộ phận sản xuất, phải đảm bảo lợi ích của người lao động và lợi ích của cổ đông.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị cho khối khảo sát để tăng năng suất lao động đẩy nhanh tiến độ và có thể thực hiện được các hợp đồng kiểm định an toàn đập, hồ chứa lớn phức tạp; các công trình khoan phụt có yêu cầu cao về thiết bị. Tiếp cận các tiến bộ khoa học trong công tác xử lý nền các công trình nhằm mục đích đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực để có thể tham gia các hoạt động xây dựng trong lĩnh vực xử lý nền theo công nghệ mới.
- Trang bị các phần mềm tính toán cơ bản nhằm ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác thiết kế đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay;
- Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ kỹ sư tư vấn xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, đủ trình độ để áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm trong các dự án nông nghiệp trong và ngoài nước;
- Tiếp tục đào tạo nhân lực chất lượng cao để cung cấp chuyên gia cho các nước có trình độ thấp hơn về kỹ thuật khảo sát, thiết kế thủy lợi hoặc liên doanh để tham gia các dự án quốc tế khác;
- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của HEC đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện chính sách nhân lực trong điều kiện mới, phát triển nhân tố lao động của HEC thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: " Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của khách hàng và nhà cung cấp. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá, cũng như xác định được số dư các khoản công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) và khoản phải trả người bán (mã số 311) tương ứng với số tiền là 11 tỷ đồng và 3,2 tỷ đồng cũng như mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng công ty. "

Giải trình của ban giám đốc:

Các khoản công nợ phải thu chưa xác nhận được đều thuộc các Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các địa phương. Tuy chưa có được xác nhận công nợ nhưng tài liệu chứng minh công nợ đều đầy đủ (Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành giữa 2 bên). Việc các Chủ đầu tư chưa thanh toán được theo số liệu đã nghiệm thu thanh toán do nguồn vốn phân bổ của Nhà nước chưa đủ nhưng khối lượng nghiệm thu hoàn thành vẫn phải lập đầy đủ theo hạng mục (theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Thuế). Các khoản công nợ này đều có khả năng thu hồi khi Nhà nước có kế hoạch vốn phân bổ cho các dự án.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):

Hoạt động của Tổng công ty không vi phạm tới các chỉ tiêu môi trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers:

Các vấn đề liên quan đến người lao động đều được thực đúng quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể đã ký giữa đại diện tổ chức công đoàn và Người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Review concerning corporate responsibility towards the local community:

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng địa phương tại

những nơi có trụ sở và tại các công trình thực hiện công việc khảo sát thiết kế.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Ban TGDĐ đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của HEC và những quy chế, quy định đã ban hành. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đề ra. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Phát huy uy tín và thương hiệu, thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh chính của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế công trình thủy lợi thủy điện, in ấn tài liệu, xử lý nền móng, tiếp cận và làm chủ được công nghệ ngành môi trường nước và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của HEC.
- Tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường để tạo nguồn công việc lâu dài, ổn định và phát triển bền vững;
- Nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức, tinh giảm và nâng cao về chất nguồn nhân lực nhằm đáp ứng thị trường hiện nay;
- Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ nhằm phát huy, giữ vững thương hiệu và uy tín của HEC từ đó mới nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh;

V. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

a. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2017, số dư công nợ "Phải thu khách hàng" và "Phải trả nhà cung cấp" chưa được khẳng định với số tiền tương ứng là 17 tỷ và 4,8 tỷ. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán năm 2017. Các vấn đề này chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để trong năm nay, do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ

đôi với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, cụ thể như sau: Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của khách hàng và nhà cung cấp. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá cũng như xác định được số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng (mã số 131) và khoản phải trả người bán (mã số 311) tương ứng với số tiền là 11 tỷ đồng và 3,2 tỷ đồng cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

b. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

c. Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại 31/12/2018, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 7,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		182,219,708,129	155,146,538,880
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41,748,630,430	29,104,296,419
111	1. Tiền		40,488,360,176	27,895,634,234
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,260,270,254	1,208,662,185
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		120,369,506,987	100,836,900,229
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86,891,620,148	70,539,526,324
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14,275,696,360	9,851,988,544
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	21,644,926,348	22,830,600,861
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,442,735,869)	(2,385,215,500)
140	IV. Hàng tồn kho	9	20,032,903,261	25,155,836,684
141	1. Hàng tồn kho		20,032,903,261	25,155,836,684
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		68,667,451	49,505,548
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		44,013,366	29,505,548
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	24,654,085	20,000,000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28,309,307,336	28,928,628,952
220	II. Tài sản cố định		18,608,713,311	20,522,292,365
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	18,585,054,406	20,408,583,870
222	- Nguyên giá		43,905,349,629	44,101,119,061
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25,320,295,223)	(23,692,535,191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	23,658,905	113,708,495
228	- Nguyên giá		1,094,660,000	1,094,660,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,071,001,095)	(980,951,505)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7,603,999,306	7,257,784,306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4,186,000,000	4,186,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2,050,000,000	2,050,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,367,999,306	1,021,784,306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2,096,594,719	1,148,552,281
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1,282,553,440	334,511,002
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814,041,279	814,041,279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		210,529,015,465	184,075,167,832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		142,100,539,202	120,906,815,164
310	I. Nợ ngắn hạn		133,143,138,359	112,539,873,141
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11,389,285,059	8,603,545,045
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	20,639,633,414	16,500,301,155
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8,251,473,558	7,046,645,707
314	4. Phải trả người lao động		25,316,453,527	22,082,975,603
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	22,125,680,474	3,132,975,328
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	24,726,973,917	27,542,210,281
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	16,693,838,892	23,199,887,709
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3,999,799,518	4,431,332,313
330	II. Nợ dài hạn		8,957,400,843	8,366,942,023
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	8,957,400,843	8,366,942,023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		68,428,476,263	63,168,352,668
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	68,428,476,263	63,168,352,668
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44,000,000,000	44,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>44,000,000,000</i>	<i>44,000,000,000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13,388,056,171	12,746,056,171
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11,040,420,092	6,422,296,497
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>11,040,420,092</i>	<i>6,422,296,497</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		210,529,015,465	184,075,167,832

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	200,884,870,661	105,842,884,579
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		200,884,870,661	105,842,884,579
11	4. Giá vốn hàng bán	23	169,930,911,734	82,762,429,009
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30,953,958,927	23,080,455,570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,188,128,692	984,034,138
22	7. Chi phí tài chính	25	1,855,740,266	2,189,822,950
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1,848,239,406</i>	<i>2,183,967,595</i>
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18,708,755,843	16,431,392,272
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11,577,591,510	5,443,274,486
31	11. Thu nhập khác	27	2,888,150,375	4,247,420,737
32	12. Chi phí khác	28	385,400,398	1,603,269,681
40	13. Lợi nhuận khác		2,502,749,977	2,644,151,056
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14,080,341,487	8,087,425,542
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3,039,921,395	1,665,129,045
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11,040,420,092</u>	<u>6,422,296,497</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		221,531,149,146	187,449,604,533
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	45,820,375,280	30,461,795,610
111	1. Tiền		44,560,105,026	29,253,133,425
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,260,270,254	1,208,662,185
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138,502,063,516	114,947,874,511
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	99,231,742,846	82,502,832,700
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7,119,432,360	5,947,647,709
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	34,593,624,179	28,882,609,602
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,442,735,869)	(2,385,215,500)
140	IV. Hàng tồn kho	9	36,619,701,266	41,789,276,890
141	1. Hàng tồn kho		36,619,701,266	41,789,276,890
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		589,009,084	250,657,522
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	28,152,732	28,789,546
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		536,202,267	201,867,976
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	24,654,085	20,000,000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27,897,002,367	28,525,370,498
220	II. Tài sản cố định		20,409,293,483	22,469,044,362
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	20,385,634,578	22,355,335,867
222	- Nguyên giá		52,844,672,302	52,725,441,734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32,459,037,724)	(30,370,105,867)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	23,658,905	113,708,495
228	- Nguyên giá		1,094,660,000	1,094,660,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,071,001,095)	(980,951,505)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5,100,145,465	4,814,327,001
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3,732,146,159	3,792,542,695
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,367,999,306	1,021,784,306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2,387,563,419	1,241,999,135
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1,573,522,140	427,957,856
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814,041,279	814,041,279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		249,428,151,513	215,974,975,031

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		166,588,830,635	140,820,277,936
310	I. Nợ ngắn hạn		157,631,429,792	132,453,335,913
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	19,411,881,387	13,000,137,519
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	26,060,996,444	18,944,406,415
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9,419,034,140	8,251,469,131
314	4. Phải trả người lao động		28,476,667,631	22,911,503,770
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26,598,839,649	6,879,215,413
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	26,338,279,517	29,563,935,000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	17,093,838,892	28,005,854,678
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,231,892,132	4,896,813,987
330	II. Nợ dài hạn		8,957,400,843	8,366,942,023
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	8,957,400,843	8,366,942,023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82,839,320,878	75,154,697,095
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	82,839,320,878	75,154,697,095
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44,000,000,000	44,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>44,000,000,000</i>	<i>44,000,000,000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356,849,738	356,849,738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15,953,625,214	15,282,060,298
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,768,674,613	8,801,602,305
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>2,181,491,878</i>	<i>2,265,192,374</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>12,587,182,735</i>	<i>6,536,409,931</i>
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7,760,171,313	6,714,184,754
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		249,428,151,513	215,974,975,031

THỦ VIỆN XÂY DỰNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	231,075,729,750	118,486,427,491
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		231,075,729,750	118,486,427,491
11	4. Giá vốn hàng bán	23	190,833,392,048	91,134,465,903
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40,242,337,702	27,351,961,588
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	883,211,644	596,410,545
22	7. Chi phí tài chính	25	2,108,421,589	2,360,905,751
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2,100,920,729	2,355,050,396
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(60,396,536)	(62,840,496)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23,478,973,441	19,243,044,258
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15,477,757,780	6,281,581,628
31	12. Thu nhập khác	27	2,969,930,779	4,321,966,292
32	13. Chi phí khác	28	431,937,525	1,666,583,463
40	14. Lợi nhuận khác		2,537,993,254	2,655,382,829
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18,015,751,034	8,936,964,457
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3,932,241,068	1,935,347,770
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14,083,509,966	7,001,616,687
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		12,587,182,735	6,536,409,931
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1,496,327,231	465,206,756
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2,861	1,486

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Lâm

